| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NGHĨA HÀNH**<br>**TỈNH QUẢNG NGÃI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 05 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 24/4/2019
"V*/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Diếu**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Kiều Việt Phương**

2. Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoanh**

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Tiến Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi*** *tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:142/2018/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02 /2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐT-HNGĐ ngày 11/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Chị Lê Thị N,** sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi. Chị N có mặt tại phiên tòa.

*2. Bị đơn*: **Anh Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Y, xã U, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi. Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên họp và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* chị N và anh T tự nguyện tìm hiểu với nhau qua điện thoại, sau đó gặp gỡ và có trao đổi với hai bên gia đình, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện R là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng cả hai bất đồng quan điểm, anh T xích mích và đánh cha vợ. Sau khi cưới vợ chồng ở R đến khoảng tháng 6/2018 hai vợ chồng về xã U, huyện P sống nhưng do không thể sống với anh T được, bị anh T đánh nên cuối năm 2018 đến nay, chị N đã về quê ở xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi sống với cha mẹ từ đó đến nay. Chị N xét thấy vợ chồng không thể quay về đoàn tụ, tình cảm thực sự đã không còn. Do đó, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

+ Về con chung: Chị N, anh T có với nhau 01 con chung là Nguyễn Lê Tường V, sinh ngày: 27/11/2017.

Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai, phiên hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân*: Anh T công nhận là đúng về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung như lời trình bày của chị N. Anh T trình bày thêm mâu thuẫn của hai vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn. Anh mong chị N suy nghĩ và đoàn tụ để vợ chồng làm ăn cùng nuôi dạy con. Nhưng nếu Tòa án đã phân tích, hòa giải mà chị N vẫn một mực đòi ly hôn thì Anh cũng đồng ý Tòa án giải quyết cho ly hôn.

*Về con chung*: Anh T đồng ý như lời trình bày của chị N, vợ chồng có với nhau 01 con chung, hiện con đang sống với anh T và khi ly hôn anh T không đồng ý giao con cho chị N nuôi; anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã U, huyện P và phía gia đình chị N. Về phía địa phương cung cấp thông tin: chị N và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện R. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa chị N và anh T cụ thể như thế nào Hội phụ nữ xã không được rõ. Nhưng hiện tại chị N và anh T không còn sống chung với nhau. Anh T sống tại thôn Y, xã U, P. Chị N sống ở R. Nay chị N có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T thì Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Về việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì Tòa án căn cứ vào quy định để giải quyết nhằm đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

Về phía gia đình chị N: Bà Lê Thị T1 - mẹ đẻ của chị N cho biết: Giữa chị N và anh T tự nguyện tìm hiểu qua điện thoại. Sau đó anh T đến nhà xin tìm hiểu chị N hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi. Sau khi cưới thì chị N và anh T sống ở nhà bà T1 để buôn bán hàng tạp hóa. Được một thời gian anh T mâu thuẫn với cha vợ, chửi đánh cha vợ nên anh T về quê ở U để ở. Anh T đã phỉnh chị N ôm con về rồi giữ con không cho chị N ôm con về. Bà T1 cho rằng giữa chị N và anh T không tìm hiểu kỷ trước hôn nhân nên không hợp nhau. Bà mong muốn Tòa án giải quyết cho anh T và chị N ly hôn. Về con chung còn quá nhỏ nên giao cho chị N nuôi.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu*:

Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành và tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn chưa chấp hành tốt quy định của pháp luật: vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: giữa chị N và anh T mới lấy nhau đã xảy ra mâu thuẫn. Anh T, chị N thường xuyên cải vã, không còn chung sống một nhà. Chị N, anh T đã không còn tình cảm. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: cho chị N được ly hôn với anh T; con chung: giao Nguyễn Lê Tường V cho chị N nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết; nợ chung: không có. Án phí dân sự sơ thẩm: chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy căn cứ: khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyệt kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào năm 2017. Do vậy hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp theo quy định tại Điều 8,9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N thì thấy: Chị N và anh T đều thừa nhận có quan hệ yêu đương nam nữ qua điện thoại nên thời gian tìm hiểu nhau không nhiều và tìm hiểu chưa kỹ. Lúc này chị N còn nhỏ nên tính tình trẻ con. Sau khi cưới nhau về thì cuộc

sống không hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng và mâu thuẫn với những người lớn trong gia đình. Anh T thừa nhận lúc nóng giận có tát tai chị N. Hiện nay anh chị đã sống ly thân không qua lại chăm sóc gì cho nhau, chị N không còn tình cảm với anh T. Hôn nhân giữa chị N và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tòa án đã tổ chức hòa giải chị N cương quyết xin ly hôn vì mâu thuẫn đã trầm trọng, chị không còn tình cảm gì với anh T. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị N và anh T có mâu thuẫn, giữa chị N và anh T không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau do vậy mục đích của hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể duy trì, nên việc chị N yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: chị N và anh T đều thống nhất có một con chung tên Nguyễn Lê Tường V, sinh ngày 27/11/2017. Hiện nay con đang sống cùng anh T. Khi ly hôn chị N và anh T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị N, anh T: Hiện nay cháu V mới được 17 tháng tuổi; anh T đang giữ con. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao con cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T phải có trách nhiệm giao con cho chị N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nhưng chị N không có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nôm con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị N, anh T đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Từ những phân tích và nhận định, đánh giá như trên, đề nghị của Kiểm sát viện tại phiên toà về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật TTDS; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

*Vì các lẽ trên*

## QUYẾT ĐỊNH

**Căn cứ:** Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2.Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Tường V, sinh ngày 27/11/2017 cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm giao con cho chị N. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004302 ngày 25tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã E;
- Các đương sư;
- Lưu: hs, vt.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Diếu**